

Bản án số: 316/2022/HSPT

Ngày: 13/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường.

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường.

Ông Phạm Tồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Thái Tự L và đồng phạm về tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HSST ngày 16/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1998/2022/QĐXXPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2022.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Thái Tự L (Cai Zi L); Sinh ngày 30/8/1963, tại: Thành phố Tấn Giang, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Nơi cư trú trước khi sang Việt Nam: Số 84, phường TĐT, thôn TH, thị trấn AH, thành phố TG, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Chứng minh thư nhân dân số: 350582196308303059, nơi cấp: Công an thành phố TG, Trung Quốc; Hộ chiếu số: C73407761, cấp ngày 07/11/2017, nơi cấp thành phố Tuyên Châu, Phúc Kiến, Trung Quốc; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Tiểu học; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Trung Quốc; Con ông Thái Kỳ T và bà Hà T1; Có vợ là Thái Bích H, sinh năm 1963; Có ba con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/10/2002, bị phạt tù chung thân tại Trung Quốc về tội “*Buôn bán trái phép chất ma túy*”. Ngày 20/10/2017, mãn hạn. Thời gian chấp hành án thực tế: 15 năm 06 ngày.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

2. Tổng Kiến H1 (Song Jian H); Sinh ngày 18/9/1963, tại: Quảng Đông, Trung Quốc; Nơi cư trú trước khi sang Việt Nam: Đường TT, khu TK, thành phố TC, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc; Chứng minh thư nhân dân số: 440520196309181412; Hộ chiếu số: E23363085 cấp ngày 09/7/2013, nơi cấp: tại TC, Quảng Đông, Trung Quốc; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Cấp 2; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Trung Quốc; Con ông Song Bing M, sinh năm 1921 và bà Lín Kè Y, sinh năm 1947; Có vợ là Huáng Xiao L2, sinh năm 1963; Có 01 con sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

3. Dương Viễn Đ (Yang Yuan D); Sinh ngày 29/8/1964, tại: tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Nơi cư trú trước khi sang Việt Nam: Số 213 đường TĐ, khu TN, thành phố TM, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Chứng minh thư nhân dân số: 350403196408290039; Hộ chiếu số: E39404082, cấp ngày 25/11/2014, nơi cấp: Thành phố TM, Phúc Kiến, Trung Quốc; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Cấp 2; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Trung Quốc; Con ông Dương Sinh M (Đã chết) và bà Tạ Tú X; Có vợ là Trương Đ1, sinh năm 1977; Có 01 con sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Cần Th (Zhang Qin S); Sinh ngày 13/11/1961, tại: thành phố TG, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Nơi cư trú trước khi sang Việt Nam: Số 38 đường KT, thôn KV, thị trấn NK, thành phố TG, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Chứng minh thư nhân dân số: 51021619611113401X, cấp tại: Công an thành phố Tấn Giang, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Hộ chiếu số: EE7914694, cấp ngày 28/11/2018, nơi cấp: Thành phố Tuyên Châu, Phúc Kiến, Trung Quốc; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Cấp 2; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Trung Quốc; Con ông Trương Minh Th1 (Đã chết) và bà Trương Tú M1 (Đã chết); Có vợ là Lý Quốc H2, sinh năm 1965; Có 01 con sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

5. Sần Khuẩn S (Tên gọi khác: Trần); Sinh ngày 16/4/1976, tại: Đắc Lắc; Nơi cư trú trước khi bị bắt: Số 54/52A khu phố 4, phường B1, quận B2, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phiên dịch; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sần A Nh (Đã chết) và bà Cún Sám Ph (Đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh năm 1974 (Đã ly hôn); Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/8/2019; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án:

+ Người bào chữa cho bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L): Ông Hoàng Minh T2, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Minh T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum. có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo Sàɴ Khuấn S (Trần): Ông Đinh Văn H3, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Văn H3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum; có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trương Cần Th (Zhang Qin S): Ông Đào Thế K - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum. có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:

+ Người bào chữa cho bị cáo Tống Kiến H1 (Song Jian H): Ông Đỗ Ngọc Q và ông Nguyễn Thế A, đều là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư L2, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo Dương Viễn Đ (Yang Yuan D): Ông Bùi Trung K2 và ông Lê Cao L3, đều là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư D1, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Ông K có mặt, ông L2 xin xét xử vắng mặt.

* **Người giám định:** Ông Huỳnh Th, ông Trịnh Mạnh C, ông Nguyễn Văn Th1, ông Nguyễn Phương N3 – Đều là Giám định viên thuộc Viện Khoa học hình sự Bộ Công an (phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh); Cùng địa chỉ: C09 Bộ Công an, Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người phiên dịch:** Bà Nguyễn Hoàng Thanh Đ3, sinh năm 1994. Trú tại: Tổ 4, phường H4, quận H5, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này có 03 bị cáo khác là Lữ Dư Tr, Hoàng Sơn N1 và Thái Tự V1 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 00 phút ngày 06/8/2019, tại tổ dân phố số 3B khu làng nghề, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Tổ công tác Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an chủ trì phối hợp cùng các đơn vị chức năng bắt quả tang 07 (bảy) đối tượng đều mang quốc tịch Trung Quốc, gồm: Thái Tự L, Tống Kiến H1, Trương Cần Th, Dương Viễn Đ, Lữ Dư Tr, Hoàng Sơn N1 và Thái Tự V1 đang có hành vi sản xuất trái phép chất ma túy tại địa điểm là kho xưởng thuê của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu ĐAV. Tại địa điểm này, phát hiện thu giữ nhiều thùng phi, can nhựa, bình thủy tinh bên trong có chứa rất nhiều hóa chất, dung dịch màu trắng đục, màu nâu đen dạng sệt là

tiền chất và nhiều máy móc, công cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Lúc đầu, các đối tượng khai nhận việc mua dụng cụ, hóa chất và máy móc, phương tiện nêu trên mục đích để sản xuất thuốc diệt côn trùng, không khai nhận sản xuất trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ máy móc thiết bị, hóa chất, giấy tờ và nhiều đồ vật, tài sản khác có liên quan (BL 01-08).

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, lời khai của Thái Tụ L, Tổng Kiến H1 và kết quả test nhanh dung dịch trong bình có ký hiệu số 13 trong hệ thống bình phản ứng có chất ma túy, loại Methamphetamine, ngày 12/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi sản xuất trái phép chất ma túy đối với Sàn Khuẩn S (tức Trần; sinh ngày 16/4/1976; trú tại: 54/52A khu phố 4, phường Bình Trị Đông, quận B2, thành phố Hồ Chí Minh). Tại Cơ quan điều tra, Sàn Khuẩn S đã khai nhận toàn bộ hành vi giúp sức cho Thái Tụ L trong quá trình sản xuất trái phép chất ma túy.

Tiến hành kiểm tra, khám nghiệm hiện trường nơi các bị can đang thực hiện hành vi Sản xuất trái phép chất ma túy, là khu nhà xưởng được thuê của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu ĐAV, khu làng nghề tổ dân phố 3B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum gồm một cổng chính và nhà bảo vệ, bao quanh khu nhà xưởng là tường xây bằng gạch có chiều cao 2,5m, bên trên có mái che bằng tôn. Đã phát hiện và thu giữ máy móc, thiết bị, nhiều bình thủy tinh và hóa chất ở các dạng khác nhau, bên trong các thùng đều chứa chất lỏng. Tiến hành thu 19 mẫu chất lỏng, mỗi mẫu thu 200ml đựng vào các chai nhựa và chai thủy tinh màu đen thể tích 300ml tại các vị trí số 1, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 20, 22, 24, 31, 32, 34, 38 và 42; thu 150 gam các chất ở dạng bột (màu trắng và màu vàng) tại các vị trí số 36, 39 và 41 đựng vào trong các túi nilon; thu 100 gam các mảnh kim loại màu trắng xám tại vị trí số 35 đựng vào túi nilon niêm phong gửi giám định theo đúng trình tự.

Đồng thời, thu giữ rất nhiều đồ vật, tài sản, hóa chất, thiết bị máy móc khác có liên quan (BL 12 đến 21).

Tại bản Kết luận giám định số 3745/C09B ngày 14/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: Mẫu chất lỏng ký hiệu 1, 13 và 20 gửi giám định có chất ma túy, hàm lượng trong các mẫu lần lượt là: 0,1721gam/1 lít; 0,4407 gam/1 lít; 0,5727 kg/1 lít; 0,5594 gam/1 lít, loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 11.538,4553 gam;

Kết luận giám định (tiếp theo) ngày 08/10/2019, kết luận:

Chất lỏng đựng trong các mẫu ký hiệu 10, 11, 14, 16, 17, 18, 22, 24, 31, 32, 34, 38 gửi giám định đều có chứa thành phần 1-phenyl-2-propanone (P2P), tổng thể tích: 546,2 lít; Chất lỏng ở ký hiệu số 42 gửi giám định có chứa thành phần Methylamine, thể tích: 70 lít.

Chất lỏng màu trắng đục đựng trong chai nhựa ký hiệu số 7, 8, 12; Các mẫu thu ở vị trí số: 35, 36, 39, 41 đều không tìm thấy các chất ma túy và tiền chất trong danh mục các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 (mẫu số 35 có Al, mẫu số 36 có NaOH, mẫu số 39 có 3-oxo-2phenybutanamide); Chất lỏng đựng trong mẫu số 14 có chứa thành phần Methamphetamine ở dạng vết, hàm lượng rất thấp nên không giám định được hàm lượng Methamphetamine. 1-phenyl-2-propanone (P2P) và Methylamine là tiền chất ma túy nằm trong danh mục IV, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2018 (BL 92-93-94-95).

Tại bản Kết luận giám định số 4843/C09B ngày 22/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh), kết luận:

- Dung dịch màu trắng đục đựng trong 01 xô nhựa màu đỏ (vị trí 21 biên bản hiện trường) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng: 0,697g/lít, khối lượng Methamphetamine có trong 60 lít dung dịch: 41,82 gam;

- Dung dịch đựng trong 19 can nhựa vỏ màu đen, 01 can nhựa vỏ màu trắng (vị trí số 38 biên bản hiện trường), tổng thể tích: 503,73 lít và dung dịch dạng sệt, màu nâu đen đựng trong 01 xô nhựa màu đỏ (vị trí 23 biên bản hiện trường), thể tích 05 lít, gửi giám định là tiền chất ma túy, loại P2P (1-phenyl-2-propanone), tổng thể tích: 508,73 lít;

- Dung dịch đựng trong 43 chai thủy tinh nắp đậy màu xanh dương và dung dịch đựng trong 31 chai thủy tinh nắp đậy màu xanh nhạt (vị trí số 40 biên bản hiện trường), dung dịch đựng trong 13 thùng màu đỏ có chữ Acetone (thu tại lối đi vào xưởng) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại Acetone, tổng thể tích: 2.637 lít;

- Dung dịch đựng trong 01 thùng nhựa vỏ màu xanh, nắp màu đỏ (vị trí 38 biên bản hiện trường); Dung dịch đựng trong 01 can nhựa, vỏ màu xanh dương, 16 can vỏ màu xám và 13 can vỏ màu đen (vị trí số 26, 27 biên bản hiện trường) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại HCL (Hydrochloric Acid), tổng thể tích: 737,28 lít;

- Chất bột đựng trong 26 chai thủy tinh nắp đậy màu đen, xanh đều có nhãn mác ghi “Acid Tartaric 500g” và Chất màu trắng đựng trong 400 lọ có nhãn mác ghi chữ “Tartaric Acid” (vị trí số 40 biên bản hiện trường) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại Tartaric Acid, tổng khối lượng: 213 kg;

- Dung dịch đựng trong 28 chai thủy tinh nắp đậy màu đen, đều có nhãn mác ghi “Benzyl Cyanide” (vị trí số 40 biên bản hiện trường) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại Benzyl Cyanide, tổng thể tích: 14 lít;

- Dung dịch đựng trong 11 thùng màu đỏ có chữ Toluene (thu tại khu vực lối vào xưởng) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại Toluene, tổng thể tích: 2200 lít;

- Dung dịch đựng trong 34 can nhựa, vỏ màu xanh dương và 34 can nhựa vỏ màu xám (vị trí số 27, 28 biên bản hiện trường) gửi giám định là tiền chất ma túy, loại H_2SO_4 (Sulfuric Acid), tổng thể tích: 1.745,1 lít (BL 96-97-98).

Kết quả điều tra đã xác định hành vi sản xuất trái phép chất ma túy của các bị cáo, như sau:

Thái Tự L là đối tượng bị kết án tù chung thân về tội buôn bán trái phép chất ma túy, ra tù tháng 10/2017. Khoảng tháng 6 năm 2018, Thái Tự L đã cùng các đối tượng Hứa Kim C1, Thái Liên T3 bàn bạc thống nhất việc sang Việt Nam mở xưởng sản xuất chất ma túy. Tiêu Hữu C2 đồng ý góp vốn 200 vạn NDT, tương đương khoảng 6 tỷ 700 triệu VNĐ. Thái Liên T3 nhận tiền của Tiêu Hữu C2, sau đó vay thêm 40 vạn NDT của Lưu Bồi H6 tương đương khoảng 1 tỷ 340 triệu VNĐ để góp vốn. Lưu Bồi H6 đã chuyển số tiền này làm hai lần, một lần chuyển vào tài khoản của Trác Xuân H7 tại thành phố Hồ Chí Minh (do Thái Tự V1 cung cấp cho Thái Liên T3) và một lần vào tài khoản của Thái Uyên Tr là con gái của Thái Tự L. Tổng số tiền vốn góp là 240 vạn NDT tương đương khoảng 08 tỷ VNĐ.

Sau nhiều lần gặp gỡ, trao đổi, Tổng Kiến H1 đồng ý cùng Thái Tự L hợp tác sản xuất chất ma túy. Tại Trung Quốc, Tổng Kiến H1 cùng Thái Vĩnh H8, Chu Thông M3 và một số đối tượng khác đã điều chế thành công được 20 gam chất bán thành phẩm là ma túy 1-phenyl-2-propanone (P2P), được pha trộn theo quy trình ba bước với tỷ lệ mà các đối tượng đã tìm được sau nhiều lần thử nghiệm. Tổng Kiến H1 liên hệ mua một số thiết bị, nguyên liệu hóa chất rồi vận chuyển sang Việt Nam. Thiết bị, hóa chất và nguyên liệu còn lại được Tăng Chí Cường (là cháu gọi Thái Tự L bằng cậu) liên hệ với Dương D2 và Cung Luân H9 vận chuyển qua con đường tiểu ngạch từ Quảng Tây sang Việt Nam cho Thái Tự L.

Đến khoảng tháng 3/2019, Thái Tự L nhập cảnh trái phép sang Việt Nam qua khu vực Móng Cái, Quảng Ninh và được Hoàng Gia N1, Sàn Khuẩn S đón đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn HNP thuộc phường B1, thành phố Q2, tỉnh Bình Định. Tại đây, Thái Tự L đã thuê một phần kho xưởng của Hoàng Gia N1 để phục vụ cho việc sản xuất trái phép chất ma túy. Sàn Khuẩn S và Thái Chí P1 được Thái Tự L thuê đến làm việc tại kho xưởng, Thái Tự L đã chỉ đạo Sàn Khuẩn S nhận một lô hàng là máy móc, thiết bị vận chuyển đến Việt Nam về kho xưởng, sau đó tiếp tục chỉ đạo S tìm mua thêm hóa chất để sản xuất trái phép chất ma túy. Sàn Khuẩn S đã đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Hoa Thắm (địa chỉ tại tỉnh Bình Dương) mua hóa chất, rồi vận chuyển về kho xưởng sản xuất trái phép chất ma túy đã thuê của Công ty Trách nhiệm hữu hạn HNP thuộc phường B1, thành phố Q2, tỉnh Bình Định.

Khoảng ngày 19/4/2019, Thái Chí P1 đến sân bay Tân Sơn Nhất đón Trương Cần Th, Dương Viễn Đ, Lục Thiệu Th1, Diêu Kiến G, ngày hôm sau, Thái Chí P1 lại cùng Thái Tự L đến sân bay Tân Sơn Nhất đón Tổng Kiến H1,

tất cả đến làm việc tại kho xưởng đã thuê trên. Ngày 22/4/2019, sau khi lắp đặt xong hệ thống thiết bị, Thái Tụ L đã chỉ đạo Trương Cần Th, Dương Viễn Đ, Lục Thiệu Th1, Diêu Kiến G thực hiện theo quy trình hướng dẫn của Tổng Kiến H1 để điều chế ra chất 1-phenyl-2-propanone (P2P). Trong thời gian khoảng 15 ngày điều chế tại đây, các bị cáo đã sản xuất được 22 can loại 25kg dung dịch màu nâu đen có thành phần chất 1-phenyl-2-propanone (P2P). Tổng Kiến H1 đã chỉ đạo các bị cáo tiếp tục điều chế từ 03 can dung dịch màu nâu đen cho vào máy cô quay có gia nhiệt, kết quả thu được 01 can dung dịch màu vàng loại 25kg, chính là chất P2P (1-phenyl-2-propanone). Trong quá trình pha trộn hóa chất, Lục Thiệu Th1 và Diêu Kiến G thấy bốc lên mùi khó chịu, đã có thắc mắc với Tổng Kiến H1, Dương Viễn Đ và Trương Cần Th thì được biết, có mùi khó chịu như vậy là do sản xuất ra chất bán thành phẩm là chất ma túy, lúc này Lục Thiệu Th1 và Diêu Kiến G biết là họ đang giúp Thái Tụ L sản xuất trái phép chất ma túy. Thái Chí P1 được Thái Tụ L giao cho sử dụng một chiếc máy điện thoại, làm nhiệm vụ đứng cách xưởng 50m để canh gác. Tổng Kiến H1, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Lục Thiệu Th1 và Diêu Kiến G không được phép rời khỏi xưởng sản xuất, thời gian sản xuất chủ yếu vào ban đêm, ban ngày không sản xuất, khi sản xuất có mùi khó chịu. Phong đã tìm hiểu và nhận thấy Thái Tụ L chỉ đạo những người trong xưởng sản xuất trái phép chất ma túy.

Đến khoảng ngày 12/5/2019, nhận thấy việc sản xuất trái phép chất ma túy có dấu hiệu bị phát hiện nên Thái Tụ L đã chỉ đạo H1, Đ, Th, Th1 và G dừng việc sản xuất để thu dọn máy móc, thiết bị và toàn bộ hóa chất cùng 20 can (loại 25kg) dung dịch đã điều chế được. Đồng thời, L đã chỉ đạo Sàn Khuẩn S thuê xe ô tô để vận chuyển máy móc, thiết bị và toàn bộ hóa chất cùng với dung dịch đã điều chế trên tìm thuê kho để cất giấu. Sàn Khuẩn S đã tìm và thuê được một kho tại địa chỉ số 93/1 đường Nguyễn Thị Tú, phường Bình Hưng Hòa B, quận B2, thành phố Hồ Chí Minh và làm hợp đồng thuê kho trong thời gian khoảng ba tháng, giá 25.000.000 đồng/tháng với anh Trần Văn Thiện (là chủ sở hữu). Sau đó, S đã thuê được ba chiếc xe ô tô tải đến kho xưởng để vận chuyển đi. Hai xe ô tô tải vận chuyển về kho S đã thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Một xe ô tô tải chở toàn bộ số hóa chất còn lại chưa sử dụng hết đi gửi tại kho của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Việt Hoa Thẩm ở tỉnh Bình Dương. Sàn Khuẩn S là người cầm chìa khóa, quản lý và trông coi kho chứa máy móc, thiết bị... tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đã vận chuyển xong toàn bộ máy móc, thiết bị và hóa chất mang đi cất giấu, Sàn Khuẩn S đưa Thái Tụ L lên khu vực cửa khẩu TL, tỉnh Cao Bằng để L về Trung Quốc; Tổng Kiến H1, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Lục Thiệu Th1, Diêu Kiến G và Thái Chí P1 cũng trở về Trung Quốc.

Khi trở về Trung Quốc, Thái Tụ L biết Thái Tụ V1 là người họ hàng cùng thôn với Thái Liên T3, đã có thời gian khoảng hơn 10 năm làm ăn buôn bán tại thành phố Hồ Chí Minh mới trở về Trung Quốc. L đã nói Thái Liên T3 thuê Thái Tụ V1 sang Việt Nam làm việc phục vụ cho việc sản xuất trái phép chất

ma túy. Thái Liên T3 đồng ý và nói Thái Tư V1 sang Việt Nam làm việc, Thái Tư V1 đồng ý làm bất cứ công việc gì, miễn là được trả lương cao. Thái Liên T3 đã đưa cho Thái Tư V1 7.000NDT tương đương khoảng 23.500.000VNĐ để làm thủ tục và mua vé máy bay đến Việt Nam. Ngày 24/6/2019, Thái Tư V1 đi máy bay đến thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng một tuần sau, Thái Liên T3 nói với Thái Tư V1 tìm thuê một kho xưởng để sản xuất chất hóa học, đồng thời cũng cho biết xưởng sản xuất chất hóa học là vi phạm pháp luật, tuy Thái Tư V1 có phản ứng nhưng vẫn tích cực thực hiện. Thái Tư V1 đã nhờ Kha Tuấn Ph1 (chỗ ở: phường 6, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh) để đi tìm thuê kho xưởng. Kha Tuấn Ph1 cho Thái Tư V1 biết hiện đang hợp tác làm ăn với Trần Ngọc An (nơi cư trú: thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum) có kho xưởng tại tỉnh Tây Ninh và Kon Tum. Vì vậy, Thái Tư V1 đến gặp Kha Tuấn Ph1 và Trần Ngọc An để xem nhà xưởng. Sau khi đến trực tiếp và quan sát ba kho xưởng, Thái Tư V1 đã dùng máy điện thoại chụp ảnh gửi về cho Thái Liên T3 để Thái Liên T3 gửi cho Thái Tư L biết quyết định lựa chọn kho xưởng. Nhận thấy một trong hai kho xưởng tại Kon Tum gần biên giới với nước Lào, phù hợp cho việc sản xuất tiêu thụ chất ma túy nên Thái Tư L đã nói với Thái Liên T3 và Hứa Kim C1 sang Việt Nam kiểm tra lại kho xưởng để quyết định trước khi thuê.

Ngày 04/7/2019, Thái Tư L lái xe đưa Thái Liên T3 và Hứa Kim C1 đến sân bay Hạ Môn, Trung Quốc để sang Việt Nam. Thái Tư V1 đến đón hai người tại sân bay Tân Sơn Nhất, sau đó, đưa đến gặp Kha Tuấn Ph1 và Trần Ngọc An để xem kho xưởng. Thái Liên T3 nhận thấy kho xưởng tại tổ dân phố 3B, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum phù hợp cho việc sản xuất trái phép chất ma túy nên đã sử dụng máy điện thoại chụp ảnh, quay video gửi về cho Thái Tư L. Thái Tư L đồng ý thuê kho xưởng này và chỉ đạo Thái Liên T3 bàn bạc với Trần Ngọc An mua nguyên vật liệu để sửa chữa, cải tạo, ngăn xưởng phục vụ sản xuất trái phép chất ma túy.

Sau khi thuê được kho xưởng, Thái Tư L đã chỉ đạo Tổng Kiến H1, Trương Cần Th, Dương Viễn Đ sang Việt Nam tiếp tục sản xuất chất ma túy. L cũng gọi Lữ Dư Tr sang Việt Nam làm việc cho L và nói Tr tìm thêm người cùng sang làm việc. Tr đã gọi em họ là Hoàng Sơn N1 cùng đến Việt Nam để lên Kon Tum làm việc. Ngày 11/7/2019, Thái Tư L đưa Lữ Dư Tr và Trương Cần Th đến sân bay Hạ Môn, Phúc Kiến, Trung Quốc để sang Việt Nam. Thái Tư V1 đón Lữ Dư Tr và Trương Cần Th tại sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều ngày hôm sau, Thái Tư V1, Lữ Dư Tr và Trương Cần Th cùng với Kha Tuấn Ph1 đi xe ô tô khách lên Kon Tum.

Đến khoảng giữa tháng 7/2019, Thái Tư L nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực gần Cửa khẩu TL, tỉnh Cao Bằng, được Sàn Khuẩn S đón về Hà Nội, sau đó hai người đi tàu hỏa vào thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/7/2019, Tổng Kiến H1 đến thành phố Hồ Chí Minh được Thái Tư V1 đón và đưa đến gặp Thái Tư L. Ngày 18/7/2019, Tổng Kiến H1 cùng Thái Tư V1 đến

Kon Tum làm việc. Khoảng ngày 21/7/2019, Dương Viễn Đ và Hoàng Sơn N1 cũng đến thành phố Hồ Chí Minh gặp Thái Tụ L. Ngày hôm sau Trần Ngọc An lái xe ô tô chở Thái Tụ L, Dương Viễn Đ và Hoàng Sơn N1 cùng Kha Tuấn Ph1 đến kho xưởng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐAV, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Tại đây, Thái Tụ L nói Kha Tuấn Ph1 liên hệ với Sàn Khuẩn S là người đang cầm chìa khóa, quản lý trông coi kho ở thành phố Hồ Chí Minh để Ph1 giúp L vận chuyển thiết bị, máy móc và hóa chất lên Đ1, Kon Tum. Kha Tuấn Ph1 đồng ý và nói Kha Phép Ch (là con trai của Kha Tuấn Ph1) liên hệ với Sàn Khuẩn S nhận và thuê xe vận chuyển toàn bộ thiết bị, máy móc và hóa chất trong kho lên Kon Tum giúp Thái Tụ L.

Đến khoảng ngày 23/7/2019, Thái Tụ L cùng Tổng Kiến H1, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Lữ Dư Tr và Hoàng Sơn N1 đến lắp đặt thiết bị máy móc tại kho xưởng thuê của Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐAV. Khi đến nơi thấy việc xây dựng, sửa chữa kho xưởng chưa xong do thiếu tiền mua nguyên vật liệu, Thái Tụ L đã nói Thái Tụ V1 tìm một địa chỉ ở Việt Nam để chuyển tiền từ Trung Quốc sang. Thái Tụ V1 đã tìm cho Thái Tụ L địa chỉ của một người Hoa tên là Trác Xuân H7 ở thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Thái Tụ L đã gửi cho Thái Liên T3 địa chỉ này. Thái Liên T3 đã gửi địa chỉ cho Lưu Bồi H6 chuyển cho Thái Tụ L 20 vạn NDT tương đương khoảng 670 triệu VNĐ. Thái Tụ L cùng Kha Tuấn Ph1 đi về thành phố Hồ Chí Minh để nhận tiền. Kha Tuấn Ph1 khai đã nhận số tiền 450 triệu VNĐ và đưa cho Thái Tụ L. Thái Tụ L đưa 300 triệu VNĐ để Kha Tuấn Ph1 trả tiền mua vật liệu xây dựng và thuê kho cho Trần Ngọc An. Còn lại 150 triệu VNĐ Thái Tụ L sử dụng chi tiêu cho cá nhân.

Ngày 01/8/2019, việc xây dựng cải tạo xưởng và việc lắp đặt máy móc thiết bị đã hoàn thành, Thái Tụ L nói Tổng Kiến H1 chỉ đạo Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Lữ Dư Tr và Hoàng Sơn N1 tiếp tục điều chế từ các loại hóa chất bằng phương pháp như đã làm trước đây ở Q2, Bình Định. Thái Tụ V1 giúp việc mua thiết bị điện, nước khí cần và phục vụ nấu ăn cho những người tham gia sản xuất trái phép chất ma túy trong xưởng.

Quá trình sản xuất, Thái Tụ L thông báo cần số lượng lớn Methamphetamine, nên khoảng 22 giờ, ngày 04/8/2019 đã chỉ đạo Tổng Kiến H1 điều chế. Khi Tổng Kiến H1 đang cùng Thái Tụ L, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Lữ Dư Tr và Hoàng Sơn N1 thực hiện việc điều chế thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Kết quả hợp tác tương trợ tư pháp giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa xác định:

Đối với nhóm tham gia bàn bạc góp vốn sản xuất trái phép chất ma túy, gồm: Thái Liên T3, Hứa Kim C1, Tiêu Hữu C2 và Lưu Bồi H6 đã khai nhận phù hợp với nhau và thống nhất Thái Tụ L sang Việt Nam để sản xuất trái phép chất ma túy .

Đối với nhóm tham gia sản xuất thử nghiệm chất ma túy, gồm: Thái Tự L, Tổng Kiến H1, Thái Vĩnh H8, Chu Thông M3 và Lư Gia Lâm khai nhận phù hợp với nhau, vào khoảng sau tết Nguyên đán 2019, Tổng Kiến H1 đã điều chế thành công 20 gam chất bán thành phẩm ma túy (P2P) tại Trung Quốc.

Đối với nhóm tham gia vận chuyển nguyên liệu, máy móc thiết bị sang Việt Nam phục vụ sản xuất trái phép chất ma túy, gồm: Tăng Chí Cương, Dương D2 và Cung Luân H9 khai nhận, vào khoảng cuối năm 2018 đến cuối tháng 6 năm 2019, các đối tượng đã vận chuyển nguyên liệu hóa học, máy móc từ Trung Quốc sang Việt Nam thông qua một số công ty vận chuyển và một số qua đường tiểu ngạch. Tăng Chí C biết mục đích để sản xuất trái phép chất ma túy.

Đối với nhóm trực tiếp tham gia sản xuất trái phép chất ma túy tại Công ty TNHH HNP, phường B1, thành phố Q2, tỉnh Bình Định, gồm: Diêu Kiến G, Lục Thiệu Th1 và Thái Chí P1. Các đối tượng khai nhận phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, cách thức, quy trình sản xuất, các hoạt động trong kho xưởng. Tại đây, Tổng Kiến H1 nói cho các đối tượng biết là sản xuất ra bán thành phẩm ma túy. Thái Chí P1 biết mục đích chính là Thái Tự L lợi dụng danh nghĩa xưởng sản xuất đá để sản xuất trái phép chất ma túy.

Kết quả điều tra xác định được như sau:

Đối với bị cáo Thái Tự L: Bị cáo mới ra tù tháng 10/2017 về tội buôn bán trái phép chất ma túy, không có việc làm ổn định, đã tham gia bàn bạc, góp vốn cùng các đồng phạm khác ở Trung Quốc (Thái Liên T3, Hứa Kim C1, Tiêu Hữu C2, Lưu Bồi H6) để sang Việt Nam sản xuất chất ma túy, chỉ đạo Tổng Kiến H1 thực nghiệm sản xuất ra chất P2P là tiền chất ma túy; trực tiếp vay tiền và nhận tiền vốn góp, tổ chức mua nguyên vật liệu hóa chất, máy móc, trang thiết bị vận chuyển sang Việt Nam, tìm thuê người sang Việt Nam làm việc và hứa trả công cao. Nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy tại kho xưởng thuê lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn HNP tại thành phố Q2, tỉnh Bình Định và Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐAV, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Quá trình điều tra, bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện cùng đồng phạm, không công nhận kết luận giám định chất được thu giữ tại kho xưởng là ma túy, loại Methamphetamine và tiền chất P2P. Mà bị cáo chỉ khai nhận được ông chủ tên là A Ting (A Xing) thuê sang Việt Nam để sản xuất thuốc diệt côn trùng, không phải sản xuất ma túy.

Bị cáo Tổng Kiến H1: Bị cáo là người có kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất các chất hóa học. Trước khi sang Việt Nam, Tổng Kiến H1 đã tiến hành thử nghiệm sản xuất chất ma túy, tiền chất ma túy. Khi được Thái Tự L mời sang Việt Nam để sản xuất chất ma túy, bị cáo đã đồng ý, đã cùng Thái Tự L tìm mua các loại hóa chất, máy móc, thiết bị cần thiết phục vụ việc sản xuất để vận chuyển sang Việt Nam. Trực tiếp chỉ huy điều hành các bị cáo thực hiện sản xuất chất ma túy, tiền chất ma túy. Quá trình điều tra, thời gian đầu bị cáo khai

nhận sang Việt Nam cùng Thái Tụ L tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy, bị cáo xin chịu trách nhiệm về số ma túy và hóa chất cùng toàn bộ thiết bị máy móc bị phát hiện bắt quả tang thu giữ; sau này bị cáo thay đổi lời khai, khai rằng sang Việt Nam để giám sát việc sản xuất chất P2P cho Thái Tụ L.

Bị cáo Trương Cần Th và Dương Viễn Đ: Các bị cáo tự nguyện sang Việt Nam làm thuê tại thành phố Q2, tỉnh Bình Định và huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Quá trình sản xuất, bị cáo Trương Cần Th đã ghi lại quy trình mà Tổng Kiến H1 thực hiện vào sổ tay cá nhân (đã bị thu giữ) mục đích để học hỏi cách làm. Khi bị bắt các bị cáo Trương Cần Th và Dương Viễn Đ khai nhận có tham gia sản xuất chất cấm bị phát hiện thu giữ nhưng không trực tiếp sản xuất ra chất cấm đó và không biết đó là sản xuất chất ma túy. Quá trình sản xuất, khi lo sợ bị phát hiện, các bị cáo đã trở về Trung Quốc, nhưng khi được Thái Tụ L gọi đi làm thì các bị cáo lại tiếp tục sang Việt Nam, giúp Thái Tụ L và Tổng Kiến H1 dù biết việc sản xuất này là vi phạm pháp luật.

Bị cáo Lữ Dư Tr và Hoàng Sơn N1: Các bị cáo tự nguyện sang Việt Nam làm thuê tại huyện Đ1, tỉnh Kon Tum cho Thái Tụ L (thời gian 14 ngày, trong đó sản xuất 07 ngày thì bị bắt giữ). Trước khi sang Việt Nam không tìm hiểu công việc cụ thể, có hợp pháp hay không hợp pháp; làm việc theo sự chỉ huy, điều hành của Thái Tụ L và Tổng Kiến H1; quá trình làm việc có nghi ngờ hoạt động vi phạm pháp luật của xưởng vì không có người qua lại, sử dụng nhiều hóa chất độc hại, ô nhiễm môi trường, nước thải bắn hơi thổi, nhưng vẫn tiếp tục làm việc cùng các bị cáo khác. Bị cáo Lữ Dư Tr khai đã được học và biết các loại hóa chất tại kho xưởng rất độc hại và bị cấm, quản lý rất chặt chẽ tại Trung Quốc. Bị cáo H1 Sơn N1 trong quá trình sản xuất có nghi ngờ Thái Tụ L làm việc không chính đáng vì làm lén lút, ban đêm nhưng không nghĩ là sản xuất ma túy.

Bị cáo Thái Tụ V1: Bị cáo là người đã tìm thuê kho xưởng tại các địa bàn tỉnh Tây Ninh và Kon Tum. Mặc dù đã được Thái Liên T3 cho biết xưởng hoạt động bất hợp pháp nhưng vẫn tiếp tục tham gia. Sau khi xưởng đi vào hoạt động, Thái Tụ V1 đã phục vụ nấu ăn cho những người làm việc tại xưởng. Quá trình điều tra, bị cáo khai chỉ biết công ty sản xuất thuốc diệt côn trùng, không biết sản xuất ma túy, bị cáo chỉ quan tâm đến công việc nấu ăn của bị cáo, không quan tâm đến người khác sản xuất gì.

Bị cáo Sàn Khuẩn S: Trong quá trình Thái Tụ L làm việc tại Việt Nam, mỗi lần đi, về Trung Quốc, Sàn Khuẩn S là phiên dịch đã trực tiếp đưa, đón Thái Tụ L đi, về bằng đường tiểu ngạch. Trong quá trình Thái Tụ L và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tại Việt Nam, sau này Sàn Khuẩn S khi ra vào trong xưởng nhìn thấy thiết bị máy móc có nghi ngờ hoạt động bất hợp pháp là ma túy nhưng vẫn tiếp tục giúp Thái Tụ L. Bị cáo đã giúp Thái Tụ L mua hóa chất trong đó có những chất nằm trong danh mục các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Bị cáo còn thuê kho xưởng để

Thái Tự L gửi máy móc, nguyên vật liệu và tiền chất ma túy khi dừng sản xuất ma túy tại Bình Định và nhận máy móc, thiết bị cho Thái Tự L chuyển từ Trung Quốc sang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HSST ngày 16/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 4 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố: Các bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L), Tống Kiến H1 (Song Jian H), Dương Viễn Đ (Yang Yuan D), Trương Cần Th (Zhang Qin S) và Sàn Khuẩn S (Trần) phạm tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, điểm a khoản 1 điều 52, Điều 17, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L) tử hình.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, điểm s khoản 1 điều 51, điểm a khoản 1 điều 52, Điều 17, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tống Kiến H1 (Song Jian H) tử hình.

Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L) và Tống Kiến H1 (Song Jian H) để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, Điều 17, Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Viễn Đ (Yang Yuan D) tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Sàn Khuẩn S (Trần) 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/8/2019.

Xử phạt: Bị cáo Trương Cần Th (Zhang Qin S) 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019.

- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng Điều 37 Bộ luật hình sự năm 2015: Trục xuất các bị cáo Trương Cần Th (Zhang Qin S), ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 2015: Phạt tiền bị cáo Sàn Khuẩn S (Trần) 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 03 bị cáo (Lữ Dư Tr (Lyu Yu Z), Hoàng Sơn Nguyễn (Huang Shan Y), Thái Thư Viện (Cai

Si Y), về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2022, các bị cáo Thái Tụ L, Tống Kiến H1, Trương Cần Th, Dương Đức Viễn kháng cáo xin giảm hình phạt (BL-3051).

Ngày 22/4/2022, bị cáo Sàn Khuẩn S kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị chuyển sang tội danh “Tàng trữ, vận chuyển dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 245 Bộ Luật hình sự (BL-3053; 3054).

Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo như án sơ thẩm, vì các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Luật sư Đinh Văn Hiến bào chữa cho bị cáo Sàn Khuẩn S cho rằng: Trong thời gian các bị cáo hoạt động sản xuất tại Q2, cơ quan điều tra chưa giám định được sản phẩm làm ra có phải là ma túy hay không, nên bị cáo S không có vai trò giúp sức. Trong thời gian tại Đ1, bị cáo S không tiếp tục tham gia hoạt động sản xuất. Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm chuyển tội danh cho bị cáo S từ tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*” sang tội “*Tàng trữ, vận chuyển dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy*”. Trong trường hợp không chuyển được tội danh thì đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Luật sư Hoàng Minh T2 bào chữa cho bị cáo Thái Tụ L cho rằng: Bị cáo L không nắm được công thức và quy trình sản xuất ma túy nên bị cáo không có vai trò là người chủ mưu, cầm đầu. Bị cáo rất thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, thừa nhận kết quả giám định; do vậy đề nghị HĐXX xem xét không áp dụng hình phạt tử hình đối với bị cáo L.

Luật sư Đỗ Ngọc Q và luật sư Nguyễn Thế A bào chữa cho bị cáo Tống Kiến H1 cho rằng: Theo kết luận điều tra thì bị cáo H1 và đồng phạm sản xuất ma túy là đúng, nhưng chưa làm ra thành phẩm ma túy là chất rắn theo quy định mà còn ở tinh thể lỏng có chứa thành phần Methamphetamine, nên thành phẩm ma túy mới trong giai đoạn bán thành phẩm; tức là bị cáo phạm tội chưa đạt; do vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS đối với bị cáo H1. Ngoài ra bị cáo H1 là người làm thuê kiếm sống, không phải là kẻ chủ mưu cầm đầu, tự ý nửa chừng bỏ về Trung Quốc; do vậy đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt tử hình đối với bị cáo H1.

Luật sư Bùi Trung K2 bào chữa cho bị cáo Dương Viễn Đ cho rằng: Bị cáo Đ là người qua Việt Nam làm thuê nghe theo lời chủ, nên cứ nghĩ rằng đang tham gia sản xuất thuốc trừ sâu và chất diệt cỏ, nên vai trò giúp sức của bị cáo

rất mờ nhạt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 57 và khoản 2 Điều 54 giảm nhẹ đặc biệt cho bị cáo.

Luật sư Đào Thế K bào chữa cho bị cáo Trương Cần Th cho rằng: cũng giống như bị cáo Đ, bị cáo Th là người qua Việt Nam làm thuê nghe theo lời chủ, nên cứ nghĩ rằng đang tham gia sản xuất thuốc trừ sâu và chất diệt cỏ, nên vai trò giúp sức của bị cáo rất mờ nhạt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính, có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn; vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 57 và khoản 2 Điều 54 giảm nhẹ đặc biệt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Thái Tự L, Tống Kiến H1, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th thừa nhận hành vi vi phạm của mình, nhưng không nghĩ rằng pháp luật của Việt Nam mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là nặng đến như vậy, nay các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Bị cáo Sàn Khuẩn S xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chuyển sang tội danh “*Tàng trữ, vận chuyển dụng cụ vào việc sản xuất trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 245 Bộ luật hình sự.

[2]. Xét thấy, quá trình điều tra, giải quyết vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện như sau:

Vào hồi 06 giờ 00 phút ngày 06/8/2019, tại tổ dân phố 3B khu làng nghề, thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum, Tổ công tác Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an chủ trì phối hợp cùng các đơn vị chức năng bắt quả tang 07 (bảy) đối tượng đều mang quốc tịch Trung Quốc, gồm: Thái Tự L, Tống Kiến H1, Trương Cần Th, Dương Viễn Đ, Lữ Dư Tr, Hoàng Sơn N1 và Thái Tự V1 đang có hành vi sản xuất trái phép chất ma túy tại địa điểm là kho xưởng thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu ĐAV.

Kết quả giám định các chất thu được khi bắt quả tang gồm: 11.580,2753 gam chất ma túy, loại Methamphetamine; 1.054,93 lít 1-phenyl-2-propanone (P2P) - là tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy, cùng rất nhiều chất hóa học là tiền chất ma túy, nhiều dụng cụ, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất trái phép chất ma túy và một số đồ vật, tài liệu khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không khai nhận về việc sản xuất trái phép chất ma túy mà cho rằng sang Việt Nam để sản xuất thuốc diệt côn trùng (chất diệt chuột, gián). Mặc dù các bị cáo không thừa nhận về hành vi sản xuất ma túy của mình, tuy nhiên căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/8/2019; qua kết quả hợp tác tương trợ tư pháp giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với

nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; cùng những chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo thấy rằng:

[2.1]. Đối với bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L): Lời khai ban đầu của bị cáo khai rằng đến Việt Nam là do được một người tên là A Ting (A Xing) thuê để sản xuất chất diệt chuột, dán, khi A Ting thuê thì bị cáo đã nghi ngờ A Ting thuê để tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy (BL 428). Tuy bị cáo không thừa nhận bị cáo là người tổ chức sang Việt Nam để sản xuất trái phép chất ma túy nhưng căn cứ vào các chứng cứ đã thu được, lời khai của các đối tượng liên quan từ phía Trung Quốc thì có thể khẳng định: Bị cáo Thái Tự L là người mới ra tù tháng 10/2017 về tội buôn bán trái phép chất ma túy, không có việc làm ổn định, đã tham gia bàn bạc cùng các đồng phạm khác (Thái Liên T3, Hứa Kim C1, Tiêu Hữu C2) ở Trung Quốc để sang Việt Nam sản xuất chất ma túy; bàn bạc, chỉ đạo Tống Kiến H1 thử nghiệm sản xuất ra chất P2P ở Trung Quốc; trực tiếp vay tiền và nhận tiền vốn góp, tổ chức mua nguyên vật liệu hóa chất, máy móc, trang thiết bị vận chuyển sang Việt Nam, tìm thuê người sang Việt Nam làm việc; nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tổ chức sản xuất trái phép tiền chất ma túy, ma túy tại kho xưởng thuê lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn HNP tại thành phố Q2, tỉnh Bình Định và Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐAV, huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Quá trình điều tra, bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện cùng đồng phạm, không công nhận kết luận giám định chất được thu giữ tại kho xưởng là ma túy, loại Methamphetamine và tiền chất P2P, chối bỏ trách nhiệm đối với hành vi phạm tội mà bị cáo cùng đồng phạm đã thực hiện. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo đã công nhận kết luận giám định. Ngoài ra, bị cáo là người đã bị kết án về tội “Buôn bán trái phép chất ma túy”, bị cáo phải biết rõ ma túy là chất có đặc điểm như thế nào. Do đó, có căn cứ khẳng định rằng bị cáo là người biết rõ việc sản xuất trái phép chất ma túy khi tổ chức sang Việt Nam, Thái Tự L có vai trò chính, là người tổ chức, chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm tại Việt Nam.

[2.2]. Đối với bị cáo Tống Kiến H1 (Song Jian H): Quá trình điều tra, thời gian đầu bị cáo khai nhận sang Việt Nam cùng Thái Tự L tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy, bị cáo xin chịu trách nhiệm về số ma túy và hóa chất cùng toàn bộ thiết bị máy móc bị phát hiện bắt quả tang thu giữ. Sau này bị cáo thay đổi lời khai, khai rằng sang Việt Nam để giám sát việc sản xuất chất P2P cho Thái Tự L. Quá trình điều tra và hợp tác từ phía Trung Quốc có thể khẳng định bị cáo Tống Kiến H1 là người am hiểu về các chất hóa học, đã thực hiện điều chế thử nghiệm thành công Methamphetamine tại Trung Quốc, khi được Thái Tự L thuê sang Việt Nam điều chế ma túy cho Thái Tự L thì Tống Kiến H1 đã đồng ý. Thấy rằng Tống Kiến H1 là đồng phạm với vai trò người thực hành, tích cực tạo ra sản phẩm là tiền chất ma túy, ma túy.

[2.3]. Đối với bị cáo Dương Viễn Đ (Yang Yuan D) và Trương Cần Th (Zhang Qin S): Các bị cáo tự nguyện sang Việt Nam làm thuê tại thành phố Q2,

tỉnh Bình Định và huyện Đ1, tỉnh Kon Tum. Quá trình sản xuất, bị cáo Trương Cần Th đã lên ghi lại quy trình mà Tổng Kiến H1 thực hiện vào sổ tay cá nhân (đã bị thu giữ) mục đích để học lỏm cách làm. Bị cáo Dương Viễn Đ khai nhận có tham gia sản xuất chất cấm bị phát hiện thu giữ nhưng không trực tiếp sản xuất ra chất cấm đó. Trong quá trình sản xuất tại Bình Định, khi lo sợ bị phát hiện, các bị cáo đã trở về Trung Quốc, nhưng khi được Thái Tụ L gọi đi làm thì bị cáo lại tiếp tục sang Việt Nam, tích cực thực hiện theo sự chỉ huy, điều hành của Thái Tụ L và Tổng Kiến H1. Các bị cáo đã biết việc sản xuất tại Q2, Bình Định là vi phạm pháp luật nhưng lại tiếp tục đến Đ1, Kon Tum làm việc vi phạm pháp luật nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm về khối lượng chất ma túy và tiền chất ma túy đã sản xuất, bị phát hiện và thu giữ.

[2.4]. Đối với bị cáo Sàn Khuẩn S (Trần): Trong quá trình Thái Tụ L làm việc tại Việt Nam, mỗi lần đi, về Trung Quốc, Sàn Khuẩn S là phiên dịch đã trực tiếp đưa, đón Thái Tụ L đi, về bằng đường tiểu ngạch. Trong quá trình Thái Tụ L và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tại Việt Nam, sau này Sàn Khuẩn S khi ra vào trong xưởng nhìn thấy thiết bị máy móc có nghi ngờ hoạt động bất hợp pháp là ma túy nhưng vẫn tiếp tục giúp Thái Tụ L. Bị cáo đã giúp Thái Tụ L mua hóa chất trong đó có những chất nằm trong danh mục các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Bị cáo còn thuê kho xưởng để Thái Tụ L gửi máy móc, nguyên vật liệu và tiền chất ma túy khi dừng sản xuất ma túy tại Bình Định và nhận máy móc, thiết bị cho Thái Tụ L chuyển từ Trung Quốc sang. Do đó, bị cáo là đồng phạm giúp sức cho Thái Tụ L để sản xuất trái phép chất ma túy.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến ngày 06 tháng 8 năm 2019, các bị cáo Thái Tụ L, Tổng Kiến H1, Sàn Khuẩn S, Trương Cần Th, Dương Viễn Đ, đã tổ chức và tiến hành sản xuất trái phép chất ma túy, tiền chất ma túy tại hai địa điểm là nhà xưởng thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn HNP thuộc phường B1, thành phố Q2, tỉnh Bình Định và nhà xưởng thuê của Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐAV thuộc thị trấn Đ1, tỉnh Kon Tum. Khi đang sản xuất đã bị phát hiện bắt quả tang thu giữ lượng ma túy rất lớn gồm: 11.580,2753 gam chất ma túy, loại Methamphetamine và 1.054,93 lít 1 phenyl-2-propanone (P2P) - là tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy, cùng nhiều tiền chất, hóa chất khác.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự phải nhận thức được hành vi của mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật Việt Nam. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo về tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 248 Bộ luật hình sự và Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Sản xuất trái phép các chất ma túy*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Thái Tụ L, Tổng Kiến H1, Dương Viễn Đ, Trương Cần Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xảy ra trên nhiều địa bàn khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam; có sự cấu kết, chuẩn bị của các bị cáo và các đối tượng nguy hiểm liên quan ở Trung Quốc. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước Việt Nam về các chất ma túy, xâm phạm đến tình hình an ninh, trật tự xã hội và làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Hành vi của các bị cáo không chỉ bị pháp luật Việt Nam, Trung Quốc nghiêm cấm mà toàn thể cộng đồng thế giới đều nghiêm cấm và lên án. Biết rõ điều đó nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi của mình một cách tinh vi, có tổ chức mang tính xuyên quốc gia, từ Trung Quốc đến Việt Nam; số lượng ma túy, tiền chất ma túy và các phương tiện sử dụng thu được vô cùng lớn; do đó thấy cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc nhất để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa. Trong vụ án này, bị cáo Thái Tụ L và bị cáo Tổng Kiến H1 đều có vai trò đặc biệt trong vụ án. Thái Tụ L là kẻ chủ mưu, cầm đầu là người tổ chức, chuẩn bị điều kiện vật chất, kinh phí và trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động phạm tội. Tổng Kiến H1 là người nghiên cứu, điều chế ra sản phẩm ma túy; bắt tay cùng với Thái Tụ L từ Trung Quốc, làm tiền đề để Thái Tụ L tổ chức sản xuất ma túy; là người tổ chức việc điều chế, sản xuất ma túy tại các xưởng ở Bình Định, Kon Tum. Vai trò của các bị cáo trong vụ án có tính chất quyết định sự thành bại của việc thực hiện tội phạm. Quá trình điều tra, Thái Tụ L không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Tổng Kiến H1 lúc đầu khai nhận sau đó thay đổi lời khai gian dối gây khó khăn cho quá trình điều tra. Số lượng ma túy các bị cáo sản xuất ra được là đặc biệt lớn (Gồm 11.580,2753 gam chất ma túy, loại Methamphetamine và 1.054,93 lít 1 phenyl-2-propanone (P2P) - là tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy).

Trong quá trình điều tra, truy tố cả hai bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, quanh co chối tội. Tuy nhiên tại phiên toà, bị cáo Thái Tụ L đã chấp nhận Kết luận giám định nhưng lại cho rằng mình không đến Việt Nam để sản xuất trái phép chất ma túy, bị cáo Tổng Kiến H1 mặc dù chưa thừa nhận biết rõ sản phẩm mà bị cáo sản xuất là ma túy nhưng đã khai báo đầy đủ hành vi phạm tội của mình từ khi thử nghiệm tại Trung Quốc đến khi sản xuất tại Việt Nam nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Tổng Kiến H1. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức nên áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Đối với Thái Tụ L có nhân thân không tốt.

Đối với bị cáo Dương Viễn Đ và Trương Cần Th: Dù không được Thái Tụ L và Tổng Kiến H1 cho biết cụ thể về việc sản xuất ma túy; tuy nhiên từ khi hoạt động sản xuất tại Bình Định, các bị cáo đã biết đây là hoạt động bất hợp pháp, có nghi ngờ về hoạt động nhằm sản xuất ra ma túy, việc sản xuất lén lút, có người cảnh giới nhưng các bị cáo vẫn bất chấp mà thực hiện, sau khi bị động

phải dừng hoạt động sản xuất tại Q2, Bình Định; phải cất giấu các loại hoá chất phương tiện đi nơi khác và trở về Trung Quốc một thời gian nhưng các bị cáo không dừng lại mà lại tiếp tục cùng Thái Tự L trở lại Việt Nam tiếp tục công việc đang dở. Qua đó cho thấy sự coi thường pháp luật cũng như sự nguy hiểm trong việc thực hiện tội phạm của các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Dương Viễn Đ còn quanh co, chối bỏ việc đã tham gia làm việc tại Bình Định, cũng như chối bỏ việc mình biết đây là hoạt động sản xuất ma túy. Bị cáo Trương Cần Th có nghi ngờ về hoạt động nhằm sản xuất ra ma túy (bị cáo còn ghi chép nhằm học hỏi cách điều chế). Bị cáo Trương Cần Th có nhân thân tốt, hợp tác trong quá trình điều tra giải quyết vụ án nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[4.] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và chuyển tội danh của bị cáo Sần Khuẩn S thì thấy:

Bị cáo với vai trò tích cực, là người trực tiếp đưa đón, phiên dịch cho Thái Tự L, đồng thời là người giúp Thái Tự L mua một số hoá chất, tiền chất và vận chuyển máy móc cần thiết cho việc sản xuất ma túy; thuê kho bãi cất giấu máy móc, tiền chất ma túy, hoá chất khi hoạt động tại Q2 tạm dừng; mặc dù không được cho biết về việc sản xuất ma túy, khi được vào xưởng sản xuất tại Q2, Bình Định bị cáo cũng đã nhận thức được đây là hoạt động sản xuất ma túy nhưng bị cáo vẫn tiếp tục tham gia giúp sức. Bị cáo là công dân Việt Nam, hiểu rõ quy định của pháp luật, lẽ ra khi phát hiện dấu hiệu của tội phạm bị cáo phải tố giác ngay cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; nhưng bị cáo không những không tố giác mà còn lợi dụng việc thông thạo tiếng nói, thông thạo địa bàn để giúp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo đóng vai trò rất quan trọng và tham gia tích cực trong vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo đề nghị chuyển tội danh của bị cáo để xét xử về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy”, thấy: như đã phân tích về hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi giúp sức, không chỉ ở việc mua, cất giấu hoá chất, tiền chất ma túy cho Thái Tự L mà còn giúp đưa đón, phiên dịch cho Thái Tự L và một số đối tượng khác trong quá trình các đối tượng này thực hiện tội phạm nên hành vi của bị cáo không thể tách rời vai trò đồng phạm; do đó bị cáo là đồng phạm với các bị cáo khác và cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”.

Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án, đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay. Tại phiên tòa hôm nay các luật sư nêu ra một số tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; tuy nhiên, tất cả các tình tiết giảm nhẹ này đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng; hơn nữa so với hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của các bị cáo thì các tình tiết giảm nhẹ này là không đáng kể. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận; kháng cáo về chuyển tội danh của bị cáo Sàn Khuẩn S không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Thái Tự L (Cai Zi L), Tổng Kiến H1 (Song Jian H), Dương Viễn Đ (Yang Yuan D), Sàn Khuẩn S (Trần), Trương Cần Th (Zhang Qin S), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, điểm a khoản 1 điều 52, Điều 17, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L) tử hình, về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ: Điểm b khoản 4 Điều 248, điểm s khoản 1 điều 51, điểm a khoản 1 điều 52, Điều 17, Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Kiến H1 (Song Jian H) tử hình, về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L) và Tổng Kiến H1 (Song Jian H) để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, các bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L), Tổng Kiến H1 (Song Jian H) có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

- Căn cứ: Điều b khoản 4 Điều 248, Điều 17, Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Viễn Đ (Yang Yuan D) tù chung thân, về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019.

- Căn cứ: Điều b khoản 4 Điều 248, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Sàn Khuẩn S (Trần) 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/8/2019.

Xử phạt: Bị cáo Trương Cần Th (Zhang Qin S) 20 (hai mươi) năm tù, về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2019.

- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng Điều 37 Bộ luật hình sự năm 2015: Trục xuất các bị cáo Trương Cần Th (Zhang Qin S) ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 2015: Phạt tiền bị cáo Sàn Khuẩn S (Trần) 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Về án phí phúc thẩm hình sự: Buộc các bị cáo Thái Tự L (Cai Zi L), Tống Kiến H1 (Song Jian H), Dương Viễn Đ (Yang Yuan D), Trương Cần Th (Zhang Qin S) và Sàn Khuẩn S (Trần) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/8/2022).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (LQT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường